

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ GIANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20 tháng 9 năm 2022

Về việc: Xin ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG, TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà **Sùng Thị Mai**

Các hội thẩm nhân dân: 1, Ông **Doãn Huy Giáp**

2, Bà **Trần Thị Kim Phượng**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hồng** – thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang tham gia phiên
tòa:** Ông **Giàng Chấn Sồ** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh
Hà Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: **53/2022/TLST-
HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022** về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: **21/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022**, và
quyết định hoãn phiên tòa số **01/QĐ - HPT ngày 05/ 9 /2022** giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Phương T** - Sinh năm: 1987

* Bị đơn: Anh **Trần Hà V** - Sinh năm 1986

Địa chỉ: Cùng trú tại thôn C, xã P, thành Phố H, tỉnh H.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị **Nguyễn Phương T** có đơn xin xét xử
vắng mặt, bị đơn anh **Trần Hà V** vắng mặt không có lý do.

NHẬN THẤY.

Tại phiên tòa chị **Nguyễn Phương T** có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên
trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị **T** trình bày: Chị và anh **V** kết hôn với nhau
ngày 28/ 11 /2011 do tự nguyện có đăng ký tại UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh
H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát
sinh mâu thuẫn. Nguyên do bất đồng quan điểm trong làm ăn và sinh hoạt gia
đình, bản thân anh **V** thiếu tu chí làm ăn, do hạn chơi, thoái thác việc gia đình,
chăm sóc con cái cho chị, anh **V** thường xuyên vắng nhà, dẫn đến tình cảm vợ
chồng thiếu sự tin tưởng thương yêu nhau, anh và chị đã ly thân hơn một năm

nay, không ai hỏi thăm chăm sóc đến ai, bản thân chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Hà V càng sớm càng tốt, hiện nay anh V thường xuyên vắng nhà đi làm ăn ở đâu cũng không báo với chị, dù có quay về chung sống cũng không hạnh phúc, chị T đã cho anh V cơ hội một lần ra Tòa quay về đoàn tụ nuôi dạy con cái, nhưng anh vẫn không thay đổi, do vậy chị T nhất quyết ly hôn đề nghị Toà án giải quyết;

* **Về con chung:** Chị T và anh V có với nhau hai con chung là cháu Trần Hà D sinh ngày 25/12/2012 và cháu Trần Hà DH sinh ngày 14/02/2017. Sau ly hôn chị T nhận trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Trần Hà D và cháu Trần Hà DH đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng tiền nuôi hai cháu.

* **Về tài sản chung, công nợ chung:** Chị Nguyễn Phương T không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Trong suốt quá trình thụ lý, giải quyết thu thập xác minh và tại phiên tòa ngày hôm nay anh Trần Hà V đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với bị đơn anh Trần Hà V. Toà án đã tiến hành xác minh nơi ở của anh Trần Hà V đang cư trú tại thôn C, xã P, thành phố H được biết chị Nguyễn Phương T và anh Trần Hà V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C xã P, tại nhà bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ của chị Nguyễn Phương T, và bà L là chủ hộ, Bà L xác nhận gia đình vợ chồng chị T, anh V và hai đứa con chuyển về sống cùng gia đình bà Nguyễn Thị L đã hai năm nay, anh V thường xuyên bỏ nhà đi, ít khi có mặt ở nhà chăm sóc hai con, từ ngày về ở cùng ông bà ngoại, anh V thoái thác việc chăm sóc con cái cho ông bà, anh V nhà đi đâu làm gì không báo với ông bà, do vậy ông bà không biết, mọi giấy tờ của Toà án chuyển đến ông bà chỉ nhận giúp không thông tin cho anh V được. Bản thân chị T đi công tác xa, anh V là chồng sống cùng ông bà, anh V không giúp được gì cho gia đình, mang tiếng là về sống chung với ông bà nhưng cứ về rồi lại đi có ngày chỉ có mặt ở nhà được từ 30 phút đến một tiếng; nhưng từ khi có giấy triệu tập của Toà án thì anh V không về, và cũng không thông tin cho vợ con cũng như ông bà biết đang ở đâu, làm gì?

Qua thu thập xác minh chứng cứ tại L được biết hiện nay chị T anh V có đăng ký hộ khẩu tại thôn C, xã P, sống cùng với gia đình ông Bà Nguyễn Thị L, hiện nay anh V đi đâu làm gì thôn, xã, và gia đình bố mẹ không nắm được.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn chị Nguyễn Phương T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án xem xét, giải quyết xử cho chị được ly hôn với anh Trần Hà V. Về con chung chị Nguyễn Phương T nhận trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Trần Hà D và cháu Trần Hà DH, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng; Về tài sản chung, công nợ chung chị T không đề nghị Toà án giải quyết.

Bị đơn: Anh Trần Hà V vắng mặt không có lý do, nên không đưa ra được quan điểm ý kiến, đề nghị gì. Bị đơn Trần Hà V sau nhiều lần triệu tập anh V đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cũng như không có lời trình bày của anh V.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật HN&GD; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử cho chị Nguyễn Phương T được ly hôn anh Trần Hà V ;

Về con chung: Xử giao hai cháu Trần Hà D sinh ngày 25/ 12/2012 và cháu Trần Hà DH sinh ngày 14/02/2017 cho chị Nguyễn Phương T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu D và cháu DH đến khi đủ 18 tuổi, anh V không phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu D và cháu DH;

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét;

Về án phí sơ thẩm ly hôn, nguyên đơn chị Nguyễn Phương T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài L có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Phương T có đơn khởi kiện “Xin ly hôn, nuôi con chung ” với bị đơn là anh Trần Hà V, Chị T anh V có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã P, thành phố H, tỉnh H, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. Sự vắng mặt của bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh Trần Hà V vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Hà V. Ngày 30 / 8 /2022 nguyên đơn chị Nguyễn Phương T có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ LTTDS tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Phương T và anh Trần Hà V xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế gia đình cũng như trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau, hiện anh chị đã sống ly thân được 01 năm, không có sự vun đắp, chia sẻ cùng nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, do anh V không có mặt theo giấy báo của Tòa án, nên Tòa án không tiến hành hoà giải cho anh chị quay về đoàn tụ gia đình nuôi dạy con cái. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh V. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho

chị Nguyễn Phương T được ly hôn anh Trần Hà V. Về con chung: chị T và anh V có 02 con chung là cháu Trần Hà D sinh ngày 25/12/2012 và cháu Trần Hà DH sinh ngày 14/02/2017 sau ly hôn chị T nhận trách nhiệm nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu D và cháu DH đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng tiền nuôi hai cháu. HĐXX chấp nhận việc giao cháu D và cháu DH cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Phương T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53 và Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Phương T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Phương T được ly hôn anh Trần Hà V .

2. Về con chung : Xử giao cháu Trần Hà D sinh ngày 25/12/2012 và cháu Trần Hà DH sinh ngày 14/ 02/ 2017 cho chị Nguyễn Phương T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu D và cháu DH đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Trần Hà V phải cấp dưỡng tiền nuôi hai cháu, anh Trần Hà V được quyền qua lại thăm non chăm sóc con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: chị Nguyễn Phương T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ly hôn chị T đã nộp (*Do Bùi Phương T nộp thay*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang theo biên lai số **0000730 ngày 15 tháng 06 năm 2022.**

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt chị Nguyễn Phương T và anh Trần Hà V, báo cho chị Nguyễn Phương T được biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, anh Trần Hà V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh
- VKSND TP
- Các đương sự
- UBND thị trấn Vị Xuyên, h Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang
- THA
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Sùng Thị Mai